

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2017/HSPT

Ngày: 23/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hên Trân - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên
tòa:* Bà Võ Thị Diệp - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 471/2017/HSPT ngày 28/8/2017 do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn Xuân D và Đặng Trần L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân quân TB, Thành phố Hồ Chí M.

1/ Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị: Hoàng Mạnh T; giới tính: nam; sinh năm: 1972 tại Hà N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lý T, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M; chỗ ở: Lý T, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; hoàn cảnh gia đình: có vợ là Nguyễn Thị Hải Ph và 01 con sinh năm 2003; con ông: Hoàng Trọng S (sống); con bà: Nguyễn Thị H (sống); tiền án, tiền sự: không; tạm giam: từ ngày 31/01/2015 đến ngày 05/11/2015 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt)

2/ Bị cáo không kháng cáo và bị kháng nghị: Nguyễn M; giới tính: nam; sinh năm 1976 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 59/31T tổ 7, khu phố 9, phường Tân Chánh H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí M; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; hoàn cảnh gia đình: có vợ là

Hoàng Thị Nh và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; con ông: Nguyễn Tr (sống); con bà: Lê Thị H (sống); tiền án, tiền sự: không; tạm giam: từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3/ Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị: Nguyễn Xuân D; giới tính: nam; sinh năm 1987 tại Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 14, xã Khánh Tr, hện Yên Kh, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: 30/2A tổ 6, khu phố 1, phường Thới A,, Quận 12, Thành phố Hồ Chí M; trình độ văn hóa: 12/12; hoàn cảnh gia đình: có vợ là Nguyễn Thị A và 01 con, sinh năm 2015; con ông: Nguyễn Thanh H (sống); con bà: Nguyễn Thị Á (sống); tiền án, tiền sự: không; tạm giam: từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4/ Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị: Đặng Trần L; giới tính: nam; sinh năm: 1972 tại Thành phố Hồ Chí M; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 23/3 Đặng Văn N, Phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí M; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; con ông: Đặng Văn N (sống); hoàn cảnh gia đình: có vợ là Phạm Thị Thu C và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2002; con bà: Trần Thị Đ (sống); tiền án, tiền sự: không; tạm giam: từ ngày 31/01/2015 đến ngày 13/10/2015 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt)

NHẬN THẤY

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận TB và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí M thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30/01/2015, tại khu vực bãi đậu tàu bay số 28 Sân bay Tân Sơn Nhất, An ninh sân bay bắt quả tang Nguyễn Xuân D, Nguyễn M đang bơm nhiên liệu từ xe bồn số hiệu 07 của Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Nam sang xe tải biển số 54V-1391 đậu bên ngoài hàng rào sân bay, do Đặng Trần Thanh P làm lái xe và Đỗ Thanh T làm phụ xe nên báo cho Công an Phường 2, quận Tân Bình phối hợp lập biên bản chặn giao cho Công an quận TB, Thành phố Hồ Chí M xử lý.

Quá trình điều tra xác định: Hoàng Mạnh T, Nguyễn Xuân D, Nguyễn M là nhân viên lái xe bồn của Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Nam (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Nhiên liệu Hàng không Việt Nam - Khu vực Miền Nam). T câu kết với Vương Tiến C và Đặng Văn T là quân nhân của Lữ đoàn 918 rút bớt xăng trong các xe bồn do

Thắng, M, D quản lý để bán ra ngoài lấy tiền chia nhau. Theo đó, khi nhận thấy có thể lấy được xăng thì T trực tiếp hoặc nói D, M gọi điện thoại báo cho C hoặc T biết để liên hệ người mua xăng, cụ thể:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 29/01/2015, M và D vào ca làm việc, nhận xe bồn ký hiệu 07 chứa đầy xăng với số lượng 36.000 lít để đi tra nạp cho các máy bay theo lệnh. Sau khi tra nạp xong, M và D đưa xe về kho công ty nạp lại đầy xăng vào xe bồn và đưa xe ra khu vực chờ thì T gọi điện thoại cho D và M kêu đưa xe về bãi đậu số 28 để chờ có người đến lấy xăng, đồng thời T cho D số điện thoại của T để liên hệ bơm xăng ra ngoài. D, M cho xe ra đậu sát bờ rào được một lúc thì thấy có xe tải áp sát bên ngoài bờ rào và có người trên xe tải luồn ống vào trong hàng rào, sau đó thì T kêu D bơm 10.000 lít; tiếp theo xe thứ 2 vào bơm 7000 lít; xe thứ 3 đang bơm được khoảng 250 gallon (tương đương 240 lít) thì bị An ninh sân bay phát hiện bắt quả tang như trên.

Về hành vi của Đặng Trần L và đồng bọn xác định được: ngày 29/01/2015, khi Cường liên lạc với Lộc, cho biết có xăng cần bán và nói Lộc điều xe đến khu vực đất quân đội gần khu vực sân bay để lấy xăng. Lộc đồng ý nên tối ngày 29/01/2015, Lộc đã gọi điện cho lái xe, phụ xe và điều 4 xe ô tô, gồm: xe biển số 54Y-3902 có bồn tự chế 10.000 lít do Bành Quý Mộc làm tài xế, Trần Văn L làm phụ xe; xe biển số 54L-6573 có bồn tự chế 7.000 lít do Được (không xác định được lai lịch) làm tài xế, Nguyễn Ngọc H làm phụ xe; xe biển số 54V1-1391 có bồn tự chế dung tích 7.000 lít do Đặng Trần Thanh P làm tài xế, Đỗ Thanh T làm phụ xe; xe biển số 54Y-8159 có bồn tự chế dung tích 5.000 lít do Phúc (không xác định được lai lịch) làm tài xế đi một mình vào khu vực sân bay đậu chờ người dẫn vào bơm xăng. Cụ thể rạng sáng ngày 30/01/2017 xe biển số 54Y-3902 do Mộc lái chính, L phụ xe đã được bơm xăng và đã chạy đi; tiếp theo xe biển số 54L-6573 do Được lái chính, H phụ xe đã được bơm xăng và chạy đi; tiếp theo xe biển số 54V1-1391 do Đặng Trần Thanh P lái chính, Đỗ Thanh T phụ xe đang bơm được 250 gallon (tương đương khoảng 420 lít) thì bị phát hiện bắt giữ. Riêng xe biển số 54Y-8159 do Phúc lái đang dừng đậu bên ngoài chờ đến lượt vào bơm xăng, thấy bị phát hiện nên đã bỏ chạy thoát về bãi xe của L. Ngoài ra L khai bằng hình thức tương tự, trước đó đã có 4 lần mua xăng của Cường, mỗi lần từ 250 đến 500 lít nhưng do lâu quá nên không nhớ rõ, ngày tháng năm mua.

Quá trình điều tra cũng đã xác định được các lái xe, phụ xe đều là người làm công ăn lương cho Lô, được L trả lương hàng tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, khi không có việc thì ở nhà, khi có việc thì Lộc gọi điện đi làm. Các lái xe, phụ xe không biết mỗi lần đem xe

đi thì lấy được bao nhiêu xăng và sau đó đem đi đâu, ngoài tiền lương được Lộc trả hàng tháng thì không được hưởng lợi gì.

Đặng Trần Lô không biết Thắng, M, D và cũng không biết cách thức lấy xăng của T, M, D và C như thế nào, mà sau khi Cường báo có xăng thì điều lái xe đến lấy xăng, sau đó Cường báo số lượng xăng lấy được thì Lộc gặp Cường để trả tiền tương đương với số lượng xăng Cường báo. L khai trước đó đã 4 lần mua xăng theo hình thức trên của Cường (không nhớ rõ ngày tháng năm), mỗi lần mua số lượng từ 250-500 lít. Riêng ngày 29/01/2015, điều 4 xe đi mua xăng nhưng chưa rõ số lượng là bao nhiêu thì đã bị bắt giữ.

Đối với Bành Quý M, Đặng Trần Thanh P, Đỗ Thanh T, Nguyễn Ngọc H, Trần Văn L quá trình điều tra xác định được: tuy không biết mỗi lần Lộc điều xe đi lấy xăng thì lấy bao nhiêu và không được hưởng lợi gì từ những lần này nhưng tất cả đều nhận thức được xăng đó là đó là tài sản do người khác chiếm đoạt mà có.

Tiến hành làm việc với Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Nam, đơn vị này xác định ngoài số lượng xăng bị thất thoát ngày 30/01/2017 là 16.936 lít, đã thu hồi lại được 420 lít thì đơn vị không bị thất thoát lượng xăng dầu nào, ngoài lời khai của các bị cáo thì không thu được vật chứng, không xác định được ngày, tháng, năm thực hiện hành vi nên chỉ có căn cứ buộc các bị cáo chịu trách nhiệm về hành vi chiếm đoạt, tiêu thụ 16.936 lít xăng vào ngày 30/01/2017.

Đối với Nguyễn Tiệp, quá trình điều tra Thắng khai có đưa tiền cho Tiệp để Tiệp hợp thức hóa số xăng dầu chiếm đoạt. Tuy nhiên do Tiệp không thừa nhận và do ngoài lời khai, không có tài liệu chứng cứ nào chứng M Tiệp có hành vi đồng phạm với Thắng, M, D nên không có căn cứ để khởi tố, điều tra, xử lý.

Đối với Vương Tiến C và Đặng Văn T có hành vi câu kết với bị cáo Đặng Trần L và Hoàng Mạnh T để chiếm đoạt trái phép xăng dầu. Tuy nhiên, do C và T là hai quân nhân chèn nghiệp, đang tại ngũ thuộc Lữ đoàn 918 - Quân chủng Phòng Không Không Quân nên Cơ quan điều tra - Công an quận TB, Thành phố Hồ Chí M đã tách hồ sơ chèn giao cho Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hai đối tượng tên Đ và P: L khai là tài xế thuê ở ngoài chạy thuê khi cần nên không xác định được lai lịch, địa chỉ. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ nên Cơ quan cảnh sát điều tra chưa có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cho biết xăng có giá 11.457 đồng/lít, như vậy tổng tài sản bị chiếm đoạt 16.936 lít xăng có trị giá 194.035.752 đồng. Trong thời gian điều tra, Lộc đã cùng với gia đình bồi thường lại toàn bộ thiệt hại cho Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Nam. Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Nam không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án sơ thẩm số 123/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân quân TB, Thành phố Hồ Chí M đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D phạm tội “Tham ô tài sản”. Bị cáo Đặng Trần L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 278; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, Nghị quyết 100/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết 109/2015/QH13 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

1/ Xử phạt: Hoàng Mạnh T 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 31/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

2/ Xử phạt: Nguyễn M 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

3/ Xử phạt: Nguyễn Xuân D 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 195 Bộ luật tố tụng hình sự.

4/ Xử phạt: Đặng Trần L 02 (hai) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2015 đến ngày 13/10/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên phạt đối với Trần Văn L, Nguyễn Ngọc H, Bành Quý Mộc, Đỗ Thanh T, Đặng Trần Thanh P, xử lý về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/7/2017 bị cáo Đặng Trần L kháng cáo với lý do hiện vợ bị bệnh thần kinh, con bị suy tim, bản thân bị cáo L bị suy tim và suy thận nên xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/7/2017 bị cáo Hoàng Mạnh T và Nguyễn Xuân D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo do các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu.

Ngày 21/8/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí M đề nghị:

1/ Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D và tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo này.

2/ Áp dụng thêm điểm a khoản 2 Điều 250 và điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Trần L và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu; các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn Xuân D và Đặng Trần L đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã kết luận: bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Tham ô tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là chưa phù hợp do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất phạm tội của các bị cáo chưa chính xác nên áp dụng sai sót về điểm, khoản tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm như sau:

1/ Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D và tăng hình phạt đối với các bị cáo này.

2/ Áp dụng thêm điểm a khoản 2 Điều 250 và điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với Đặng Trần L và tăng hình phạt đối với bị cáo này.

Đề nghị xử phạt Hoàng Mạnh T, Nguyễn M và Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù - 08 năm tù về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Trần L từ 03 năm tù - 04 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm a khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo để có điều kiện hòa nhập với cộng đồng làm ăn chân chính, sửa chữa lỗi lầm.

1/ Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đối với Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D và kháng cáo của bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn Xuân D:

Xét, Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D là nhân viên lái xe bồn và nhân viên tra nạp xăng dầu của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Nhiên liệu Hàng không Việt Nam - khu vực Miền Nam. Do biết Xí nghiệp có quy định về tỷ lệ xăng dầu hao hụt nên đã lợi dụng nhiệm vụ được giao cấu kết với Vương Tiến C và Đặng Văn T là quân nhân của Lữ đoàn 918 rút bớt xăng trong các xe bồn do Thắng, M, D quản lý và chịu trách nhiệm đối với tài sản được giao để bán ra ngoài lấy tiền chia nhau. Với những hành vi này, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D phạm tội “Tham ô tài sản” và áp dụng Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vì vụ lợi, các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D móc nối và cùng nhau phối hợp thực hiện để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tổng cộng là 16.936 lít xăng, có trị giá 194.035.752 đồng nên đã áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ, Bản án sơ thẩm cho rằng hậu quả vụ án đã được bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại nên đánh giá “thiệt hại gây ra không lớn” và áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là không đúng. Việc đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại, làm cho hậu

quả thiệt hại không còn phải được nhận định trong bản án và áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D được chấp nhận.

Xét về mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo bị bắt quả tang, thu hồi một phần tài sản bị chiếm đoạt, sau đó thiệt hại đã được bồi thường. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Hoàng Mạnh Thắng, Nguyễn Xuân D, Nguyễn M đều có quá trình công tác tốt, đều là con, cháu gia đình cách mạng, có ông bà, cha mẹ là những người có quá trình cống hiến cho đất nước, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, h chương. Đặc biệt trong vụ án này là hậu quả thiệt hại đã được khắc phục toàn bộ, không còn thiệt hại nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D không được chấp nhận.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Hoàng Mạnh Thắng là trụ cột chính trong gia đình đang nuôi có 01 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, hện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; gia đình bị cáo được tặng thưởng bằng: “Gia đình có công với nước” mang tên bà Kiều Thị Chuật do Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, hện Kim Bảng, Hà Nam xác nhận; Bị cáo là Chủ tịch Hội khهن học, được Ban chấp hành hội khهن học xã Ngọc Sơn xác nhận bị cáo có tấm lòng hảo tâm giúp đỡ hội; được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Tân Quý biểu D “Người tốt việc tốt” năm 2017; được ban chấp hành Hội chữ thập đỏ tỉnh Hà Nam ghi nhận “Tấm lòng vàng nhân đạo” về thăm, tặng quà cho đồng bào nghèo, tài trợ cho văn phòng Ủy ban nhân dân xã Khả P, hện Kim Bảng, Hà Nam năm 2017. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định của pháp luật thì bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng chính sách nhân đạo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006 của Tòa án nhân dân tối cao; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định chung.

Bị cáo Nguyễn Xuân D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình được các tình tiết theo quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn M không kháng cáo nên không đề cập xem xét.

2/ Về kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đối với Đặng Trần L và kháng cáo của bị cáo Đặng Trần L.

Xét thấy, Đặng Trần L nhận thức được tài sản mình mua là do người khác phạm tội mà có nhưng do tham lam nên đã đồng ý mua bán để trục lợi cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 250 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội” là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa đều xác định, khi được một người tên Cường điện thoại cho bị cáo L biết có nguồn xăng dầu bất hợp pháp, bị cáo đã đồng ý. L đã chỉ đạo các nhân viên của mình và thuê Bành Quý Mộc, Trần Văn L (không rõ lai lịch), Nguyễn Ngọc H, Đặng Trần Thanh P, Đỗ Thanh T đưa xe đến đậu sẵn gần khu vực hàng rào sân bay để mua số xăng. Như vậy, bị cáo L đã có sự chuẩn bị về phương tiện và lôi kéo người khác vào việc phạm tội nhưng giữa L và các đối tượng Mộc, L, H, P, T không có sự bàn bạc, phân công vai trò trách nhiệm và hoạch định kế hoạch một cách quy mô nên chưa đủ yếu tố xác định “có tổ chức” mà tính chất phạm tội mang tính đồng phạm và Đặng Trần L là vai trò chính. Do đó Bản án sơ thẩm không xác định đây là một vụ án “có tổ chức” là có căn cứ nhưng lại sử dụng một số từ ngữ pháp lý không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M cho rằng Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D chiếm đoạt tài sản của Nhà nước nhưng Đặng Trần L tiêu thụ tài sản này không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là không chính xác. Hội đồng xét xử xét thấy: điểm i khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng đối với hành vi “Xâm phạm tài sản của Nhà nước”. Trong vụ án này, bị cáo L không thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên không thuộc chủ thể bị áp dụng tình tiết tăng nặng này mà hành vi của bị cáo L đã “xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” được quy định tại Chương XIX Bộ luật hình sự. Hơn nữa, hiện nay Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 không xác định “Xâm phạm tài sản nhà nước” là tình tiết tăng nặng. Do đó kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M đối với Đặng Trần L không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của Đặng Trần L, Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trên bị cáo L đã có sự chuẩn bị về phương tiện phạm tội, lôi kéo người khác vào con đường phạm tội và mua bán lượng hàng hóa trị giá

194.035.752 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự để xử phạt Đặng Trần L 02 năm tù là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên xét, sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo Lộc đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền tương đương giá trị hàng hóa đã mua bán, khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về việc làm sai trái của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy bị cáo L có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như bản thân bị cáo bị gai thoái hóa thân sống, suy thận mãn tính phải chạy thận nhân tạo theo chỉ định của bác sĩ nếu không sẽ nguy hiểm đến tính mạng (có giấy xác nhận của Giám đốc bệnh viện Bình Dân Thành phố Hồ Chí M), bị thiếu máu não thoáng qua, tăng huyết áp, đau ngực ổn định, suy tĩnh mạch ngoại biên, trầm cảm trung bình, rung nhĩ cơn, viêm mấu khớp cột sống thắt lưng, suy tĩnh mạch chân, thoái hóa cột sống (theo Giấy ra viện của Bệnh viện Quốc tế CITY – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí M); vợ bị cáo L bị rối loạn cảm xúc lưỡng cực, trầm cảm nhẹ/trung bình (điều trị tại Bệnh viện tâm thần – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí M vào 9/2015); điều trị tại phòng khám tâm thần Phú Nhuận – trung tâm Y tế quận Phú Nhuận vào 11/2017); con bị cáo bị bệnh tim bẩm sinh. Đồng thời, bị cáo cũng đã bị tạm giam một thời gian dài từ ngày 31/01/2015 đến ngày 13/10/2015, sau khi được tại ngoại đến nay bị cáo không vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy tính nguy hiểm của bị cáo đối với xã hội không còn nên không cần thiết phải cách ly bị cáo thêm mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do đó chấp nhận kháng cáo của Đặng Trần L.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M về sửa điều luật áp dụng đối với Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M về tăng hình phạt đối với Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành

phổ Hồ Chí M về sửa điều luật áp dụng và tăng hình phạt đối với Đặng Trần L.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Mạnh T và Đặng Trần L; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân D.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Mạnh T, Nguyễn M, Nguyễn Xuân D phạm tội “Tham ô tài sản”.

Bị cáo Đặng Trần L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

*Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 278; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

1/ Xử phạt: **Nguyễn Xuân D** 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

2/ Xử phạt: **Nguyễn M** 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

3/ Xử phạt: **Hoàng Mạnh T** 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2015 đến ngày 05/11/2015.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

4/ Xử phạt: **Đặng Trần L** 08 (tám) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam trước từ 31/01/2015 đến ngày 13/10/2015. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo Nguyễn Xuân D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Mạnh T, Đặng Trần L, Nguyễn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:**
- TAND TC; (1)
 - TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
 - VKSND TP.HCM; (3)
 - VKSND quận TB; (1)
 - P.PC53 - CATP; (1)
 - Bị cáo; (4)
 - THA quận TB; (1)
 - TAND quận TB; (1)
 - Công an quận TB; (1)
 - UBND nơi BC cư trú; (1)
 - Sở Tư pháp; (1)
 - Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình